

Thang đo sức mạnh thị trường



24 Tháng Ba 2022

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

## Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,498.26	-0.27	0.23	28.96
HNX	462.80	0.15	6.42	72.24
UPCOM	117.27	0.59	4.40	45.67
MSCI EM	1,140.72	0.82	-1.22	-12.15
NIKKEI	28,110.39	0.25	8.24	-1.04
HANG SENG	21,936.55	-0.98	-4.21	-21.43
KOSPI	2,729.66	-0.20	3.05	-8.90
FTSE	7,460.63	-0.22	3.51	11.14
S&P 500	4,456.24	-1.23	3.91	14.58
NASDAQ	13,922.60	-1.32	3.33	7.41

## Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.08	2.63	15.53
SET INDEX	18.27	1.68	9.62
JCI INDEX	21.83	2.30	9.63
PCOMP INDEX	20.63	1.77	8.86

## Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	1.76	-4	57	67
10 năm	2.42	0	20	4

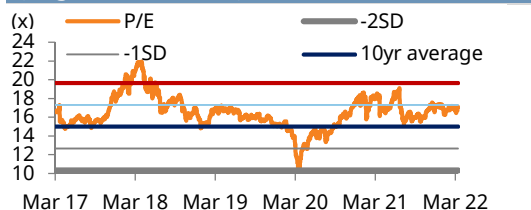
## Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,868	0.04	-0.17	0.89
US\$/KRW	1,219	-0.40	-1.33	-6.99
US\$/JPY	122	-0.40	-5.02	-10.61
US\$/EUR	0.91	0.25	1.95	7.61
US\$/GBP	0.76	0.15	1.46	3.78
US\$/SGD	1.36	0.03	-0.15	-0.84

## Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,053	1,105	968
HNX	162	149	135
UPCOM	64	81	73

## Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



## Nhận định thị trường

### Mất mốc 1,500 điểm?

VN-Index tiếp tục chịu áp lực chốt lời mạnh của nhà đầu tư, có lúc trong phiên giảm hơn 6 điểm. Tuy nhiên, lực cầu tham gia thị trường vẫn chưa đủ để giúp cho VN-Index đóng cửa với sắc xanh. Kết phiên, VN-Index giảm hơn 4 điểm tương ứng 0,3% và dừng chân tại mốc 1,498 điểm. Thanh khoản khờp lệnh không có nhiều sự thay đổi so với phiên trước khi đạt hơn 753 triệu đơn vị, so với mức 788 triệu đơn vị.

Áp lực giảm điểm của nhóm vốn hóa lớn VN30 tiếp tục đè nặng lên thị trường chung khi chỉ số này giảm hơn 8 điểm với VHM giảm gần 2%, VCB -1,7%, GVR -1,4% và NVL -1,2%. Trái ngược, một số mã cổ phiếu ở nhóm mid cap và penny có diễn biến khởi sắc hơn khi đóng cửa với mức trần như UDC, AAA, TDW, VGC, UDC, BCG, ... Ngoài ra, nhóm cảng biển cũng ghi nhận mức tăng tích cực như HAH, GMD, DXP, TCL, SGP, ...

Sau 3 phiên mua ròng mạnh, khối ngoại nay đã chuyển sang bán ròng nhẹ với tổng giá trị 130 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu ở chiều bán là DXG với 170 tỷ và VNM 129 tỷ. Ở chiều ngược lại, DGC tiếp tục được mua ròng hơn 359 tỷ đồng

Mặc dù đóng cửa dưới ngưỡng 1,500 điểm, nhưng điều đó không ảnh hưởng tới điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index khi chỉ số này tiếp tục giữ mức 6 điểm, với trạng thái KHẢ QUAN ngắn hạn. P/E hiện tại của VN-Index ở mức 17,1x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

## Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	6	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	<b>KHẢ QUAN</b>
Kospi	7	<b>KHẢ QUAN</b>
Nikkei 225	5	<b>KHẢ QUAN</b>
FTSE 100 (EU)	6	<b>KHẢ QUAN</b>
Dow Jones	4	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

# Phân tích kỹ thuật

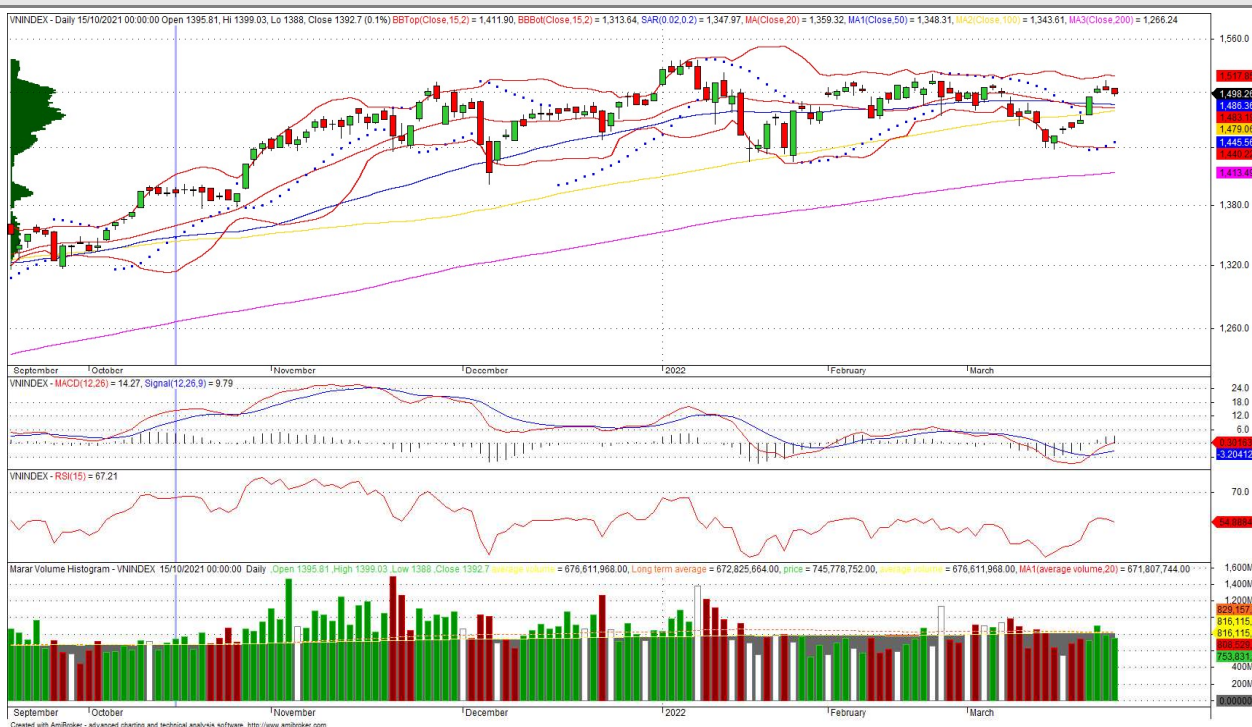
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (24/03/2022)	Kháng cự 1	<b>1.540</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.580</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.480</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.430</b>

VN-Index có xu hướng quay về kiểm định ngưỡng hỗ trợ trong ngắn hạn

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

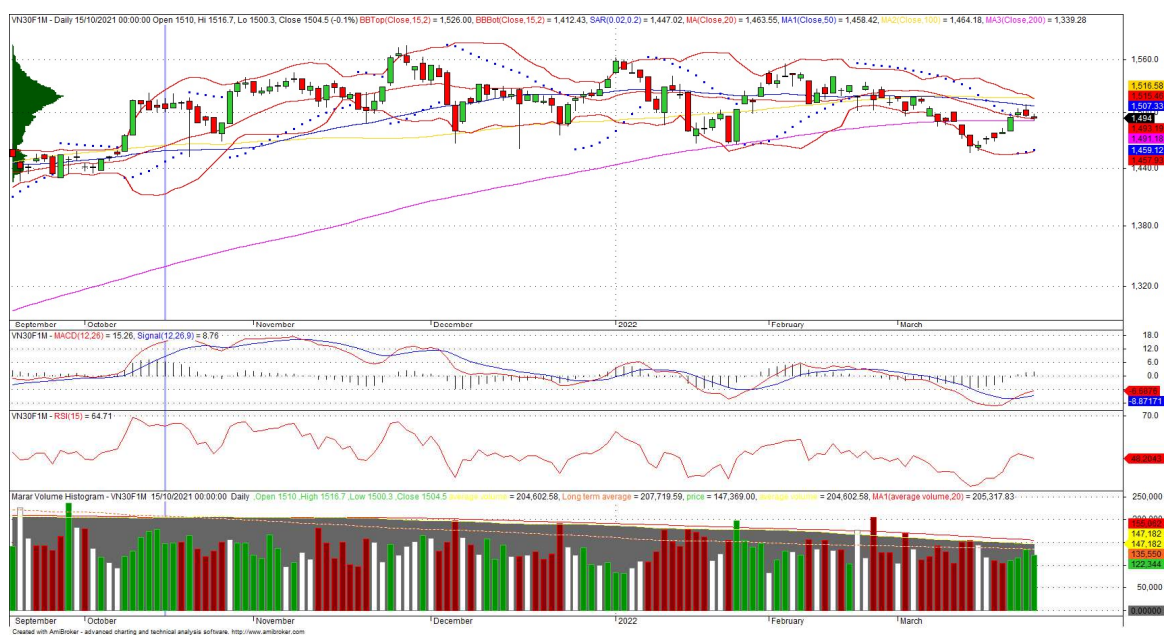
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/03/2022)	1.494	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2	<b>1.520</b>
VN30 - đóng cửa	1.497	Hỗ trợ 1	<b>1.491</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-3.4</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.480</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>-1</b>	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>0</b>	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	<b>2</b>	TRUNG TÍNH

VN30F1M quay về ngưỡng hỗ trợ mạnh trong ngắn hạn quanh 1,491 điểm

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DIG	Bất động sản	105,200	4,963,760	99	4	
HAX	Phân phối ô tô	37,700	993,995	97	6	
REE	Điện	79,700	667,325	97	7	
PTB	Vật liệu xây dựng	120,500	244,540	96	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
DGW	Bán lẻ	132,600	644,445	90	5	
VHC	Thủy sản	91,400	1,218,390	87	5	
HAH	Kho bãi, hậu cần	100,700	1,548,685	85	5	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PDR	93.9	3,726,075	7	KHẢ QUAN	46,271	25.2	6.6	350
HAG	13.35	23,212,750	7	KHẢ QUAN	12,381	67.2	2.7	310
BCG	28.35	9,295,870	7	KHẢ QUAN	12,653	11.6	3.5	264
HQC	10.25	18,619,870	7	KHẢ QUAN	4,885	1,172.8	1.1	191
HBC	29.5	6,127,295	7	KHẢ QUAN	7,247	72.6	1.9	181
AAA	19.35	5,743,675	7	KHẢ QUAN	6,317	19.3	1.3	111
DPG	85	1,124,880	7	KHẢ QUAN	5,355	14.9	3.9	96
TCB	49.3	6,193,615	6	KHẢ QUAN	173,088	9.6	1.9	305
ITA	17.4	12,796,955	6	KHẢ QUAN	16,327	56.0	1.5	223
VCG	44.65	4,631,760	6	KHẢ QUAN	19,722	38.6	3.0	207
FPT	96	1,574,675	6	KHẢ QUAN	87,125	20.0	4.9	151
HDB	28.1	4,171,450	6	KHẢ QUAN	56,543	9.2	1.9	117
VIX	23.95	4,425,100	6	KHẢ QUAN	13,153	9.5	2.3	106
DPM	69.4	8,302,840	5	KHẢ QUAN	27,159	8.8	2.6	576
DXG	46.15	11,575,635	5	KHẢ QUAN	28,037	23.8	3.1	534
NLG	60.8	5,922,550	5	KHẢ QUAN	23,283	19.9	2.6	360
IDC	75	3,149,970	5	KHẢ QUAN	22,500	49.7	5.8	236
HAH	100.7	1,548,685	5	KHẢ QUAN	4,912	11.5	3.2	156
VHC	91.4	1,218,390	5	KHẢ QUAN	16,630	15.1	2.9	111
DGW	132.6	644,445	5	KHẢ QUAN	11,722	17.7	6.6	85
CSV	62.5	1,222,540	5	KHẢ QUAN	2,763	13.2	2.5	76
STB	33.65	17,794,356	4	KHẢ QUAN	63,438	18.1	1.9	599
DIG	105.2	4,963,760	4	KHẢ QUAN	52,589	52.1	7.1	522
CEO	72.5	5,749,175	4	KHẢ QUAN	18,657	200.3	6.2	417
NVL	82.8	4,485,145	4	KHẢ QUAN	159,839	43.3	4.6	371
FLC	14.3	23,559,190	4	KHẢ QUAN	10,153	124.8	1.1	337
VHM	75.7	4,326,910	4	KHẢ QUAN	329,626	8.4	2.6	328
CII	33.6	8,489,415	4	KHẢ QUAN	8,148	#N/A N/A	1.7	285
POW	16.8	15,821,310	4	KHẢ QUAN	39,343	22.1	1.3	266
VIC	81	3,199,305	4	KHẢ QUAN	308,929	#N/A N/A	3.1	259

CTG	32.55	6,876,580	4	KHẢ QUAN	156,427	11.1	1.7	224
SHB	22	9,792,575	4	KHẢ QUAN	58,671	11.1	1.6	215
SHS	43	4,905,260	4	KHẢ QUAN	13,986	9.3	2.3	211
VRE	32.8	5,788,840	4	KHẢ QUAN	74,532	56.7	2.4	190
LPB	22.55	7,926,355	4	KHẢ QUAN	27,141	9.3	1.6	179
MWG	134	1,188,715	4	KHẢ QUAN	95,520	19.3	4.7	159
PC1	46.2	3,332,905	4	KHẢ QUAN	10,864	15.4	2.3	154
ASM	21.85	6,755,080	4	KHẢ QUAN	7,353	12.2	1.4	148
ROS	9.2	15,280,585	4	KHẢ QUAN	5,222	55.0	0.9	141
LCG	21.6	6,275,950	4	KHẢ QUAN	3,724	17.2	1.6	136
FCN	28.1	4,590,865	4	KHẢ QUAN	4,424	33.4	1.6	129
HHV	24.4	4,458,710	4	KHẢ QUAN	6,524	#N/A N/A	1.0	109
IDI	24	4,497,340	4	KHẢ QUAN	5,463	40.0	1.8	108
BID	43.1	2,235,315	4	KHẢ QUAN	218,022	20.6	2.6	96
VHG	11.1	7,763,250	4	KHẢ QUAN	1,665	#N/A N/A	8.8	86
LDG	22.6	8,936,500	3	TRUNG TÍNH	5,412	40.5	1.7	202
FRT	150	1,147,390	3	TRUNG TÍNH	11,847	26.7	7.1	172
DBC	78.1	1,694,155	3	TRUNG TÍNH	9,000	10.8	1.9	132
GEX	39.9	14,807,125	2	TRUNG TÍNH	33,975	28.1	2.8	591
DGC	222.5	2,623,635	2	TRUNG TÍNH	38,065	17.0	6.3	584
MBB	32.05	16,324,330	2	TRUNG TÍNH	121,095	9.5	2.0	523
DCM	45.2	9,862,470	2	TRUNG TÍNH	23,929	14.7	3.2	446
KBC	53.7	7,463,090	2	TRUNG TÍNH	30,916	33.8	2.2	401
SCR	23.1	10,128,415	2	TRUNG TÍNH	8,463	45.2	1.8	234
TPB	40.1	5,222,020	2	TRUNG TÍNH	63,428	12.1	2.4	209
ACB	32.9	4,524,970	2	TRUNG TÍNH	88,894	9.3	2.0	149
KDC	54	2,672,075	2	TRUNG TÍNH	13,588	23.0	2.0	144
PNJ	107	1,269,095	2	TRUNG TÍNH	24,328	23.6	4.0	136
HNG	10.1	12,324,350	2	TRUNG TÍNH	11,196	#N/A N/A	1.9	124
VCB	83.5	1,299,700	2	TRUNG TÍNH	395,165	16.7	3.6	109
HDG	72.5	1,361,750	2	TRUNG TÍNH	14,778	12.8	3.3	99
CTR	96.9	809,115	2	TRUNG TÍNH	9,004	21.6	6.9	78
JVC	12.95	5,840,265	2	TRUNG TÍNH	1,457	#N/A N/A	3.2	76
GMD	55.8	3,736,780	1	TRUNG TÍNH	16,817	30.2	2.7	209
NKG	48.9	11,835,025	0	TRUNG TÍNH	10,729	4.5	1.9	579
BSR	27	11,941,730	0	TRUNG TÍNH	83,713	12.8	2.2	322
MSN	146.6	994,890	0	TRUNG TÍNH	173,066	20.2	5.3	146
VJC	144	997,590	0	TRUNG TÍNH	77,992	63.4	4.6	144
HCM	35.6	3,968,645	0	TRUNG TÍNH	16,277	12.7	2.2	141
TCH	21.25	6,585,965	0	TRUNG TÍNH	14,200	20.2	1.6	140
KSB	47.7	2,276,855	0	TRUNG TÍNH	3,639	16.1	2.0	109
VPI	63.2	1,443,300	0	TRUNG TÍNH	13,904	39.1	4.3	91
SZC	74.3	1,140,530	0	TRUNG TÍNH	7,430	24.7	5.1	85
VOS	21.9	3,731,060	0	TRUNG TÍNH	3,066	6.3	3.0	82
PAN	31.9	2,548,400	0	TRUNG TÍNH	6,664	22.6	1.6	81
TNG	34.1	3,274,720	-1	TRUNG TÍNH	3,161	12.3	2.2	112
HUT	40.5	5,129,515	-2	TRUNG TÍNH	14,120	258.4	3.7	208
PLX	56	2,981,120	-2	TRUNG TÍNH	71,153	24.0	2.8	167

TTF	16.85	8,886,470	-2	TRUNG TÍNH	6,631	597.6	12.0	150
GAS	112.3	1,125,320	-2	TRUNG TÍNH	214,937	25.6	4.2	126
SBT	23.35	5,287,685	-2	TRUNG TÍNH	14,691	20.6	1.8	123
PVC	29.6	3,452,835	-2	TRUNG TÍNH	1,480	102.3	2.0	102
TVC	22.9	4,356,020	-2	TRUNG TÍNH	2,716	4.0	1.5	100
VGT	25.4	3,300,420	-2	TRUNG TÍNH	12,700	44.6	2.1	84
HDC	105.2	770,120	-2	TRUNG TÍNH	9,097	28.7	6.2	81
HVN	25.45	3,057,025	-2	TRUNG TÍNH	56,356	#N/A N/A	23.6	78
GVR	34.9	2,202,905	-2	TRUNG TÍNH	139,600	32.8	2.9	77
VND	31.5	8,685,970	-3	TRUNG TÍNH	38,362	12.4	3.4	274
VNM	75.6	2,329,590	-3	TRUNG TÍNH	158,001	16.7	4.8	176
PVS	35.3	12,875,225	-4	TIÊU CỰC	16,872	28.0	1.4	454
DDV	28.9	2,996,765	-4	TIÊU CỰC	4,223	22.1	2.9	87
TCM	71.7	1,128,000	-4	TIÊU CỰC	5,109	42.2	3.0	81
HPG	46.4	27,952,564	-6	TIÊU CỰC	207,544	6.0	2.3	1,297
VPB	36.35	17,314,340	-6	TIÊU CỰC	161,593	13.7	2.1	629
HSG	37.55	13,687,985	-6	TIÊU CỰC	18,530	4.4	1.6	514
SSI	43.8	10,878,545	-6	TIÊU CỰC	43,483	15.8	3.0	476
PVD	35.7	9,636,050	-6	TIÊU CỰC	15,034	958.3	1.1	344
PVT	25.6	6,664,965	-6	TIÊU CỰC	8,285	12.6	1.6	171
VCI	58.5	2,723,175	-6	TIÊU CỰC	19,481	13.0	3.0	159
TSC	16.65	9,772,560	-7	TIÊU CỰC	2,458	21.4	1.4	163

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Lạm phát ở Anh lên cao nhất 30 năm

Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh (ONS) cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 6,2% trong tháng 2, cao nhất kể từ tháng 3/1992, vượt dự báo trung bình tăng 5,9% từ giới chuyên gia kinh tế tham gia khảo sát Reuters. CPI tháng 1 của Anh tăng 5,5%. So với tháng 1, CPI tháng 2 tăng 0,8%, tháng 2 tăng nhiều nhất kể từ năm 2009. ONS lưu ý hóa đơn năng lượng của hộ gia đình, tăng gần 25% so với cùng kỳ năm trước, và xăng dầu là lực đẩy chủ yếu đến CPI tháng 2. Các hộ gia đình nghèo hơn càng chịu thêm áp lực khi ONS cho biết giá thực phẩm nhìn chung tăng, không giống như các thời điểm bình thường khác – khi giá một số mặt hàng tăng thì số khác giảm. Yael Selfin, kinh tế gia trưởng tại KPMG UK, nói số liệu trên làm gia tăng áp lực lên Ngân hàng Anh trong việc tiếp tục tăng lãi suất, Tuy nhiên, bà cho rằng tăng trưởng giá sẽ sớm đạt đỉnh.

### Mỹ tái miễn trừ thuế quan đối với 352 mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc

Chính quyền Tổng thống Mỹ Joe Biden đã lên kế hoạch khôi phục miễn trừ thuế quan từ thời cựu Tổng thống Donald Trump đối với khoảng 2/3 sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, vốn đã được miễn trừ trước đây và hầu hết đều hết hạn vào cuối năm 2020. Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) cho biết các mặt hàng được miễn trừ thuế quan liên quan đến các sản phẩm phải chịu thuế theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Mỹ 1974, có hiệu lực từ ngày 12/10/2021 đến hết ngày 31/12. Trước đó, USTR đã lấy ý kiến công chúng vào cuối năm 2021 về việc liệu có khôi phục miễn trừ thuế quan đối với 549 nhóm sản phẩm từ Trung Quốc hay không. Trong một tuyên bố, USTR cho biết họ sẽ khôi phục miễn trừ đối với 352 mặt hàng trong số đó. Các mặt hàng được khôi phục miễn trừ bao gồm nhiều loại linh kiện sản xuất và hàng tiêu dùng, từ các linh kiện trên màn hình tivi đến balô, xe đạp và gối.

### OCB lên kế hoạch lãi tăng 29% năm 2022

Hội đồng quản trị OCB ([HoSE: OCB](#)) thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 7.110 tỷ đồng, tăng 29% so với năm trước. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng này dự kiến sẽ giữ ở mức dưới 1%. Tổng tài sản cũng tăng 25% lên 230.112 tỷ đồng. Tổng huy động và dư nợ thị trường 1 lần lượt ở mức 155.003 tỷ đồng và 129.493 tỷ đồng, tăng 23% và 25% so với năm 2021. Năm 2021, lãi trước thuế tăng 25%, đạt gần 5.519 tỷ đồng, vượt nhẹ kế hoạch cả năm. Tỷ suất lợi nhuận ROE, ROA cao lần lượt là 2,6% và 22%. Đến 31/12/2021, tổng tài sản tăng 21% so với đầu năm, lên mức hơn 184.491 tỷ đồng. Cho vay khách hàng tăng 14%, ở mức 102.050 tỷ đồng. Nợ xấu giảm 11% so với đầu năm, xuống 1.349 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ giảm từ 1,69% xuống 1,32%. Huy động vốn trên thị trường 1 (bao gồm ủy thác đầu tư) đạt 126.430 tỷ đồng, tăng 17%. Cổ phiếu OCB niêm yết trên HoSE từ ngày



28/1/2021. Kết phiên giao dịch 23/3, cổ phiếu OCB có giá 26.300 đồng/cổ phiếu, tăng 43% so với ngày đầu tiên lên sàn.

### **NT2 lên kế hoạch lợi nhuận tiếp tục giảm, chốt quyền tạm ứng cổ tức tỷ lệ 10%**

Theo báo cáo thường niên 2021, ban lãnh đạo Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ([HoSE: NT2](#)) nhận định tình hình dịch bệnh phần nào được kiểm soát, kinh tế phục hồi và nhu cầu phụ tải sẽ tăng cao trong năm nay. Công ty lên kế hoạch kinh doanh năm 2022 với tổng doanh thu 8.128,95 tỷ đồng, tăng 32%; song mục tiêu lợi nhuận sau thuế giảm 12% so với thực hiện năm ngoái về 468,15 tỷ đồng. Đánh giá về tình hình hoạt động năm qua, lãnh đạo công ty cho biết 2021 là năm khó khăn nối tiếp khó khăn với NT2 khi đại dịch Covid-19 bùng phát và năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời tiếp tục gia tăng khiến nhu cầu phụ tải thấp, huy động điện và giá điện thấp. Dịch bệnh lan rộng cũng khiến nhiều doanh nghiệp phải ngừng sản xuất, gián đoạn kinh doanh. Tính chung cả năm, NT2 đạt 6.175,57 tỷ đồng tổng doanh thu và 533,79 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt tăng 1% và giảm 15% so với năm trước.

### **DBC: chốt quyền thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1**

Tập đoàn Dabaco Việt Nam ([HoSE: DBC](#)) thông báo ngày đăng ký cuối cùng để chốt quyền thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1 là 6/4. Tập đoàn sẽ phát hành thêm hơn 115,2 triệu cổ phiếu, qua đó nâng vốn điều lệ công ty gấp đôi đạt 2.304 tỷ đồng. Năm nay, Dabaco đặt mục tiêu doanh thu 22.559 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 918 tỷ đồng. So với mức thực hiện năm ngoái, kế hoạch này vượt gấp đôi về doanh thu và hơn 10% về lợi nhuận. Tuy vậy, chỉ tiêu lợi nhuận đề ra vẫn thấp hơn 34% so với mức mà doanh nghiệp này đã thực hiện vào năm 2020. Năm 2021, công ty chăn nuôi đạt 10.813 tỷ đồng, tăng 8% và thực hiện 70% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế giảm 41% về 830 tỷ đồng, hoàn thành 100% chỉ tiêu năm. Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/3, cổ phiếu DBC có mức giá 77.000 đồng/cổ phiếu, tăng 5,4% so với đầu năm.

### **IDI: đặt mục tiêu lợi nhuận 2022 gấp hơn 6 lần**

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2022, HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I ([HoSE: IDI](#)) – đơn vị thành viên Tập đoàn Sao Mai ([HoSE: ASM](#)) trình kế hoạch kinh doanh 2022 gồm doanh thu thuần 8.300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 900 tỷ đồng; lần lượt tăng 45,6% và gấp 6,3 lần thực hiện 2021. Tỷ lệ cổ tức kế hoạch ở mức 30% tiền mặt. Kế hoạch kinh doanh tham vọng của I.D.I dựa trên việc giá cá tra nguyên liệu tăng mạnh thời gian qua lên vùng trên 30.000 đồng/kg và nhu cầu thị trường, đặc biệt là Mỹ và Mỹ Latin tăng mạnh. Ông Lê Thanh Thuấn, Chủ tịch I.D.I cho biết nhu cầu tiêu dùng phục hồi mạnh ở các thị trường chính đẩy doanh nghiệp vào tình huống sản xuất không kịp trả đơn hàng. Doanh nghiệp phải tính toán tăng công suất hoạt động để đáp ứng các đơn hàng tăng mạnh trong năm nay. Kế hoạch kinh doanh tham vọng của I.D.I dựa trên việc giá cá tra nguyên liệu tăng mạnh thời gian qua lên vùng trên 30.000 đồng/kg và nhu cầu thị trường, đặc biệt là Mỹ và Mỹ Latin tăng mạnh. Ông Lê Thanh Thuấn, Chủ tịch I.D.I cho biết nhu cầu



tiêu dùng phục hồi mạnh ở các thị trường chính đẩy doanh nghiệp vào tình huống sản xuất không kịp trả đơn hàng. Doanh nghiệp phải tính toán tăng công suất hoạt động để đáp ứng các đơn hàng tăng mạnh trong năm nay.

### **DXG: đầu tư dự án 6.800 tỷ đồng tại Bình Phước**

Ngày 23/3, HĐQT Tập đoàn Đất Xanh ([HoSE: DXG](#)) thông qua chủ trương cho công ty con Đất Xanh Capital đầu tư dự án tại Bình Phước. Dự án có quy mô khoảng 200 ha, triển khai dưới hình thức nhận quyền hoặc chuyển nhượng cổ phần để dành quyền phát triển dự án trên đất theo quy định pháp luật. Tổng mức đầu tư dự kiến cho dự án là 6.840,5 tỷ đồng. Đầu tháng 3, HĐQT Tập đoàn Đất Xanh cũng phê duyệt chủ trương cho công ty con Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An đầu tư dự án tại tỉnh Đồng Nai với quy mô 152 ha và tổng giá trị đầu tư 12.500 tỷ đồng. Bất động sản Hà An sẽ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để dành quyền phát triển dự án trên đất theo quy định pháp luật. Bất động sản Hà An đang là chủ đầu tư dự án khu đô thị phức hợp Gem Sky World, được xây dựng trên khi đất có diện tích 92,2 ha tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo chia sẻ của ông Dương Văn Bắc - Phó Tổng giám đốc Đất Xanh tại cuộc gặp gỡ nhà đầu tư gần đây, năm nay, HĐQT công ty cũng đặt kế hoạch nội bộ 1.600-1.700 tỷ đồng, nhưng do ảnh hưởng của lạm phát và dịch bệnh nên HĐQT dự kiến trình mục tiêu lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 1.400 tỷ đồng. Mức lợi nhuận này tăng từ 21% - 46% so với kết quả năm 2021.

### **SHS: được chấp thuận phát hành hơn 325 triệu cổ phiếu để tăng vốn**

Ngày 22/3, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội ([HNX:SHS](#)). Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sẽ phát hành 325,27 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách được mua 1 cổ phiếu mới) với mức giá chào bán là 12.000 đồng/cp. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần là hơn 3.903 tỷ đồng. Công ty sẽ dùng 60% số tiền này để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; 40% cho hoạt động đầu tư kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá trên thị trường. Toàn bộ lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng. Số lượng cổ phiếu còn dư mà cổ đông được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

### **PDR: huy động 300 tỷ đồng trái phiếu cho các dự án bất động sản**

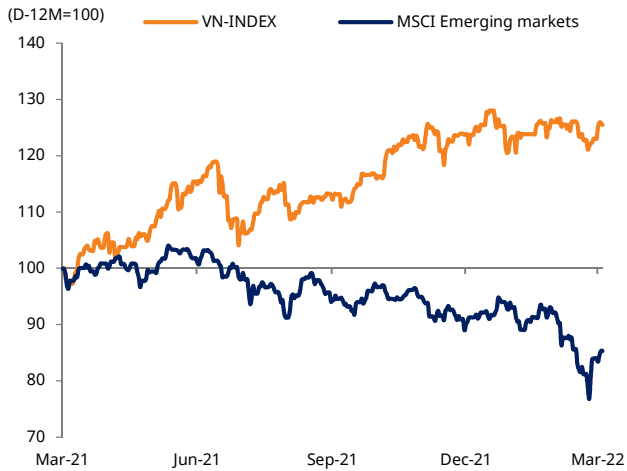
Nghị quyết HĐQT Bất động sản Phát Đạt ([HoSE: PDR](#)) ngày 23/3 thông qua việc phát hành thêm 3.000 trái phiếu để tăng vốn tài trợ cho công ty con. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, đảm bảo bằng cổ phiếu PDR của bên thứ 3. Tiền lãi sẽ được trả 3 tháng một lần. Tròn một năm kể từ ngày phát hành, Phát Đạt cam kết mua lại tối đa 50% lượng trái phiếu. Đối tượng phát hành sẽ là dưới 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, và số trái phiếu trên sẽ chỉ được giao giữa các nhà đầu tư trên. Kỳ hạn

của trái phiếu là 2 năm kể từ ngày phát hành, với lãi suất 11,2%/năm với giá bán là 100 triệu đồng/trái phiếu. Toàn bộ số tiền là 300 tỷ đồng sẽ được dùng để tăng quy mô hoạt động, tài trợ vốn cho các dự án: Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp Bình Dương 1 & 2(Astral City); Dự án khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1 & 2 tại Bình Dương; Dự án xây dựng hạ tầng xây dựng hạ tầng kỹ thuật nội bộ khu I (khu Cổ Đại ) tại TP HCM và Dự án căn hộ, thương mại dịch vụ khách sạn cao tầng tại số 223-225 Trần Phú, Đà Nẵng.

### **MSN: lãi gần 5.700 tỷ đồng từ việc bán công ty cầm MNS Feed**

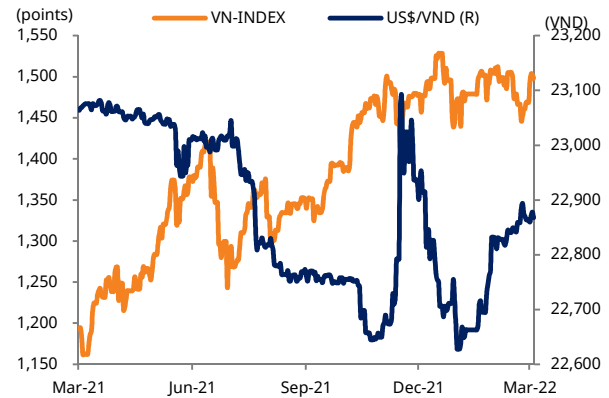
CTCP Tập đoàn Masan (MSN) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021. Theo đó, doanh thu thuần hợp nhất của Tập đoàn đạt 88.629 tỷ đồng, tăng 14,78% so với năm 2020 nhưng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Masan lên đến 10.101 tỷ đồng, tăng 624%. Đặc biệt, doanh thu từ hoạt động tài chính của Masan đạt gần 6.800 tỷ đồng, tăng 375% so với năm trước. Trong đó, phần lớn doanh thu tài chính đến từ lãi từ việc bán trái phiếu hoán đổi và mất quyền kiểm soát trong các công ty con 5.699 tỷ đồng. Đó là giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu CTCP MNS Feed và các công ty con. Cụ thể, trong tháng 10/2021, công ty con của Masan - CTCP Masan MeatLife (MML) đã phát hành trái phiếu số MMLH2124001 cho các cổ đông của MML với tổng giá trị là 7.283 tỷ đồng, thời gian đáo hạn là 3 năm (2024). Trái phiếu này không được đảm bảo và lãi suất cố định là 2% 1 năm. Tập đoàn Masan đã mua vào 3.757 tỷ đồng số trái phiếu này.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



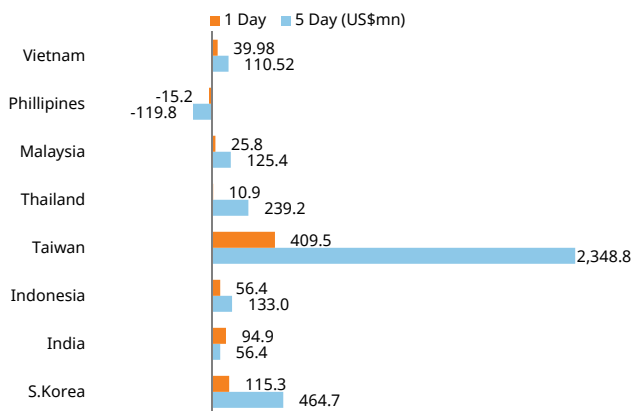
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



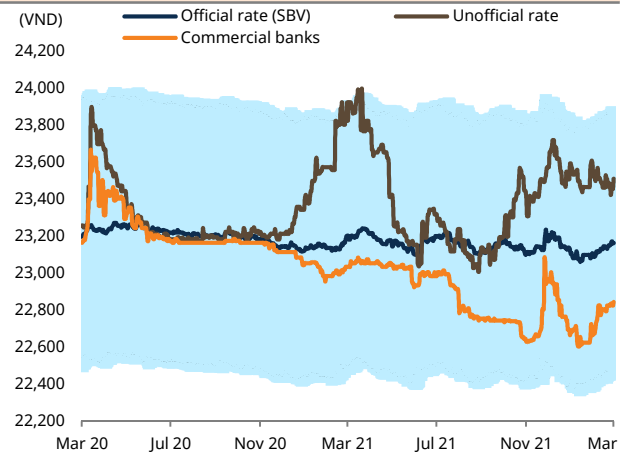
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



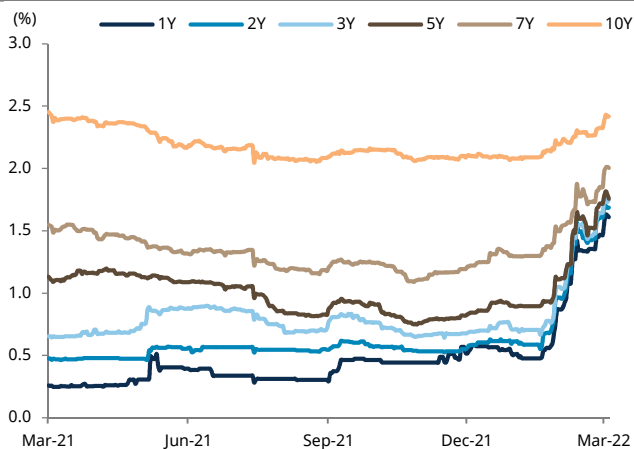
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



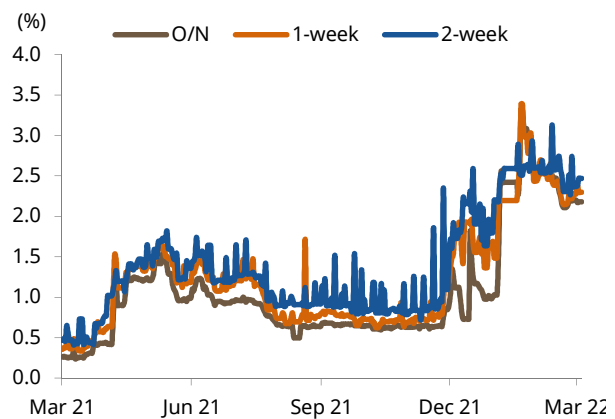
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,497.44</b>	<b>3,954,771</b>		<b>-0.5</b>	<b>1.9</b>	<b>-1.6</b>	<b>28.5</b>	<b>14.4</b>	<b>12.1</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>35.0</b>	<b>18.7</b>	<b>23.0</b>	<b>20.3</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	32,900	88,894	30.0	-0.9	0.3	-4.5	26.7	9.4	7.2	2.0	1.6	24.6	31.1	23.5	24.4
BIDV	BID VN	43,100	218,022	16.8	-0.7	-0.9	-3.4	28.6	20.6	16.2	2.6	2.3	81.7	27.2	13.2	17.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,800	43,649	26.4	-0.3	4.6	-0.3	-1.2	23.2	19.7	2.1	1.9	20.9	17.5	9.1	10.2
VietinBank	CTG VN	32,550	156,427	25.8	-0.9	-0.5	-3.8	7.7	11.1	7.4	1.7	1.4	2.9	50.1	15.9	19.9
FPT Corp	FPT VN	96,000	87,125	49.0	-0.5	4.3	4.3	43.4	22.1	17.5	4.9	4.2	21.5	25.8	23.4	27.0
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	112,300	214,937	2.8	0.0	5.9	-5.6	24.6	25.8	18.7	4.2	3.8	8.1	38.2	17.4	21.5
Vietnam Rubber Group	GVR VN	34,900	139,600	0.5	-1.4	3.3	3.6	24.0	32.8	26.2	2.9	#N/A	12.8	25.1	8.9	10.8
HDBank	HDB VN	28,100	56,543	15.6	0.4	2.2	-2.4	37.7	9.2	7.8	1.9	#N/A	42.5	18.3	23.3	21.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,400	207,544	22.2	-0.9	1.0	0.9	37.8	6.0	6.7	2.3	1.7	170.6	-10.0	46.1	29.5
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	53,100	34,140	32.8	0.2	3.3	0.6	89.0	29.6	24.6	3.4	3.0	-4.4	20.4	12.2	13.7
MBBank	MBB VN	32,050	121,095	23.2	-0.3	-0.6	-5.7	56.8	9.5	8.0	2.0	1.6	53.0	19.7	23.6	22.7
Masan Group Corp	MSN VN	146,600	173,066	28.3	-0.3	6.2	-8.1	72.3	20.2	29.3	5.3	5.5	589.7	-31.1	35.1	17.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	134,000	95,520	49.0	-0.7	2.4	-2.0	54.7	19.4	14.8	4.7	4.0	18.2	30.9	27.3	28.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	82,800	159,839	6.5	-1.2	8.1	8.9	84.4	45.5	28.0	4.6	3.9	-18.7	62.4	10.6	15.4
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	93,900	46,271	2.3	4.0	8.7	6.0	67.3	25.7	#N/A	6.6	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	56,000	71,153	17.0	0.0	0.4	-11.7	-0.5	24.7	18.2	2.8	2.1	230.7	35.6	12.3	15.5
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	107,000	24,328	48.9	1.8	3.9	-1.8	27.2	25.5	17.9	4.0	3.3	-2.6	42.3	17.0	21.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	16,800	39,343	2.0	-0.6	3.1	-5.4	31.8	22.1	22.8	1.3	1.3	-23.9	-2.9	6.1	5.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	157,800	101,194	62.5	0.2	2.5	-7.0	-10.1	28.3	23.5	4.8	4.3	-21.7	20.2	17.9	19.6
SSI Securities Corp	SSI VN	43,800	43,483	37.7	-0.9	0.0	-1.8	111.8	15.7	19.6	3.0	#N/A	114.9	-19.6	22.5	15.2
Sacombank	STB VN	33,650	63,438	20.5	-1.0	2.6	2.3	82.9	18.1	12.0	1.9	1.7	48.8	51.1	10.8	14.2
Techcombank	TCB VN	49,300	173,088	22.5	-0.6	0.6	-2.4	25.4	9.6	8.1	1.9	1.5	46.3	18.8	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	40,100	63,428	29.7	0.1	1.3	-2.8	100.9	12.4	9.6	2.4	2.0	28.5	29.6	22.6	23.0
Vietcombank	VCB VN	83,500	395,165	23.6	-1.6	0.6	-2.1	12.5	14.1	15.2	3.6	2.7	68.6	-7.0	21.4	20.4
Vinhomes JSC	VHM VN	75,700	329,626	23.7	-1.9	2.3	-3.7	1.2	8.4	9.2	2.6	2.1	41.6	-9.3	36.4	24.8
Vingroup JSC	VIC VN	81,000	308,929	12.6	-0.5	3.3	1.1	-15.5	NA	276.0	3.1	3.2	-154.2	-136.0	-3.1	1.1
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	144,000	77,992	16.8	2.1	-0.7	-2.7	12.5	484.8	63.3	#N/A	#N/A	126.7	666.0	1.0	6.8
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	75,600	158,001	54.2	-0.7	-1.0	-3.8	-23.4	16.7	15.5	4.8	4.6	-5.3	8.0	29.3	31.3
VPBank	VPB VN	36,350	161,593	17.5	-0.8	-0.3	-1.5	48.4	13.7	11.1	2.1	1.7	11.6	24.1	17.9	16.6
Vincom Retail JSC	VRE VN	32,800	74,532	30.2	-0.2	1.7	-3.5	-1.8	56.7	27.2	2.4	2.3	-44.8	108.8	4.4	8.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
<b>VN-Index</b>	<b>-4.08</b>	<b>5,943,026</b>	<b>-0.3</b>	<b>2.5</b>	<b>0.2</b>	<b>29.0</b>	<b>36.8</b>	<b>20.8</b>	<b>17.1</b>	<b>14.2</b>
Ô tô và phụ tùng	0.05	9,805	2.0	1.8	6.8	25.5	1.6	9.3	16.0	14.7
Ngân hàng	-3.89	1,836,304	-0.8	0.0	-2.1	37.1	41.4	22.0	12.4	10.2
Xây dựng cơ bản	1.40	361,638	1.6	5.6	8.8	128.6	15.7	14.2	22.2	19.5
Dịch vụ thương mại	0.01	5,610	0.4	-0.8	6.5	20.8	-4.7	26.0	16.5	13.1
May mặc và trang sức	0.15	55,283	1.1	1.6	1.9	48.1	12.8	26.4	20.4	16.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	10,366	0.2	-0.7	0.8	19.1	7.6	1167.4	803.4	63.4
Dịch vụ tài chính	-0.34	185,435	-0.6	0.5	1.5	124.0	151.5	3.1	10.7	10.3
Dầu khí	-0.02	99,399	-0.1	0.2	-8.3	15.6	120.1	42.7	24.9	17.5
Thực phẩm, đồ uống	-0.01	575,237	0.0	4.0	-1.9	27.8	29.5	-2.1	22.0	22.4
Y tế	0.00	4,798	0.3	3.8	19.8	135.3	74.8	39.7	41.9	30.0
Bảo hiểm	0.02	60,122	0.1	7.0	5.6	22.6	32.0	4.3	19.3	18.5
Nguyên vật liệu	-0.76	572,364	-0.5	3.3	8.5	71.5	127.3	-0.2	9.6	9.6
Dược phẩm	0.09	33,990	1.1	2.1	0.1	15.7	10.4	7.4	18.1	16.9
Bất động sản	-1.95	1,277,641	-0.6	3.2	1.6	30.5	7.1	26.4	23.5	18.6
Bán lẻ	-0.13	116,508	-0.4	2.4	1.0	87.7	18.0	25.1	21.9	17.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.09	94,608	-0.4	0.5	4.2	45.8	22.5	19.0	22.3	18.7
Vận tải	1.01	223,882	1.8	1.3	1.9	36.7	-3.2	100.4	#N/A	5673
Tiện ích	0.28	367,175	0.3	2.9	-4.0	24.2	10.2	22.8	20.6	16.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
PDR VN	93,900	4.0	5,478,600	0.5
VGC VN	57,900	6.8	3,583,000	0.4
VJC VN	144,000	2.1	1,171,100	0.4
REE VN	79,700	7.0	2,130,800	0.4
BCG VN	28,350	7.0	15,134,100	0.2
TMS VN	111,700	7.0	79,400	0.2
VHC VN	91,400	4.7	1,899,100	0.2
PGV VN	36,200	1.8	29,000	0.2
GMD VN	55,800	4.1	5,789,100	0.2
HVN VN	25,450	1.0	3,041,300	0.1

Nguồn: Bloomberg

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	83,500	-1.6	570,200	-1.7
VHM VN	75,700	-1.9	4,527,700	-1.7
GVR VN	34,900	-1.4	1,861,500	-0.5
NVL VN	82,800	-1.2	7,178,100	-0.5
HPG VN	46,400	-0.9	14,927,500	-0.5
VIC VN	81,000	-0.5	1,995,200	-0.4
BID VN	43,100	-0.7	1,287,000	-0.4
CTG VN	32,550	-0.9	4,490,100	-0.4
VPB VN	36,350	-0.8	12,673,000	-0.3
BCM VN	74,600	-1.5	149,800	-0.3

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.